

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B – TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 5 -08 -2019

“ V/v tranh chấp hợp vay tài sản
và hợp đồng góp hui ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

-THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ THnh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Bùi Lê Thụy H, sinh năm: 1973 (Có mặt)

- Chị Bùi Lê Thụy L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

- Anh Bùi THnh Thanh N, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

- Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 6, đường V, phường 9, quận P, Tp. H

Anh Bùi THnh Thanh N, chị Bùi Thị Thanh T ủy quyền cho chị Bùi Lê Thụy L tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 27/6/2018.

2. Bị đơn: - Ông Võ Hoàng H1, sinh năm: 1966 (đã chết)

- Bà Phan Thị T1 , sinh năm 1967 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B 1, xã Đ, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 07 năm 2017, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/2/2018, biên bản hòa giải ngày 27/8/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Lê Thụy H trình bày như sau:

Năm 2014 chị có chơi hụi do chị T1, anh H1 làm chủ. Hụi mãi chị T1 không giao hụi chị mà mượn lại chị 100.000.000 đồng. Anh H1 mượn chị thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng chị T1, anh H1 mượn chị 200.000.000 đồng. Sau đó, chị T1, anh H1 trả được 10.000.000 đồng và cần trừ chiếc xe SH trị giá 80.000.000 đồng. Hiện tại chị T1, anh H1 còn nợ chị 110.000.000 đồng. Nay anh H1 đã chết, chị yêu cầu một mình chị T1 trả chị 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 25 tháng 06 năm 2018, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/2/2018, biên bản hòa giải ngày 27/8/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Lê Thụy L trình bày như sau:

Chị có chơi hai dây hụi do chị T1 làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Khai ngày 25/2/2015 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000 đồng, gồm 25 phần, một tháng khai một lần, chị tham gia chơi một phần, chị đóng hụi đến lần khai thứ 12 thì hụi bế ngưng cho đến nay, số tiền chị đóng là 33.000.000 đồng.

Dây 2: Khai ngày 10/2/2015 âm lịch, mệnh giá hụi là 3.000.000 đồng, gồm 25 phần, một tháng khai một lần, chị tham gia chơi một phần, chị đóng hụi đến lần khai thứ 13 thì hụi bế ngưng cho đến nay, số tiền chị đóng là 38.000.000 đồng.

Sau đó chị T1 có trả chị rồi hiện tại chị T1 chỉ còn nợ chị 43.000.000 đồng. Nay anh H1 đã chết, chị yêu cầu một mình chị T1 trả chị 43.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 25 tháng 06 năm 2018, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/2/2018, biên bản hòa giải ngày 27/8/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Bùi THnh Thanh N trình bày như sau:

Anh có chơi hai dây hụi do chị T1 làm chủ, chơi chung hai dây hụi với chị Bùi Lê Thụy L, Bùi Thị Thanh T, hụi cũng bế như chị T, chị L trình bày. Anh cũng đóng số tiền như chị L, chị T nhưng chị T1 có nợ tiền anh khi kết nợ còn nợ lại anh 72.000.000 đồng. Nay anh H1 đã chết, anh yêu cầu một mình chị T1 trả chị 72.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 25 tháng 06 năm 2018, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/2/2018, biên bản hòa giải ngày 27/8/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày như sau:

Chị có chơi hai dây hụi do chị T1 làm chủ, chơi chung hai dây hụi với chị Bùi Lê Thụy L, Bùi THnh Thanh N, hụi cũng bế như anh N, chị L trình bày. Chị cũng đóng số tiền như chị L, chị T nhưng chị T1 có nợ tiền chị khi kết nợ còn nợ lại chị 75.000.000 đồng. Nay anh H1 đã chết, chị yêu cầu một mình chị T1 trả chị 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại bản tự khai ngày 7/12/2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2018, biên bản hòa giải ngày 27/8/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phan Thị T1 trình bày:

Chị thừa nhận hiện vợ chồng chị có nợ chị Bùi Lê Thụy H 110.000.000 đồng tiền vay; nợ chị Bùi Lê Thụy L 43.000.000 đồng tiền hụi như chị L trình bày; nợ anh Bùi THnh Thanh N 72.000.000 đồng tiền hụi như anh N trình bày; nợ chị Bùi Thị Thanh T 75.000.000 đồng tiền hụi như chị T trình bày. Nay anh H1 chồng chị đã chết, chị đồng ý một mình trả nợ cho chị Bùi Lê Thụy H 110.000.000 đồng, trả cho chị Bùi Lê Thụy L 43.000.000, trả cho chị Bùi Thị Thanh T 75.000.000, trả cho anh Bùi THnh Thanh N 72.000.000 đồng. Nhưng chị xin trả dần mỗi tháng là 1.500.00 đồng (Trả chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng; còn lại chị L, anh N, chị T trả chung 500.000 đồng mỗi tháng) cho đến khi kết nợ.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và N vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Điều 5, 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Bùi Lê Thụy H, Bùi Lê Thụy L, Bùi Thị Thanh T, Bùi THnh Thanh N. Buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho chị Bùi Lê Thụy H 110.000.000 đồng; buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho chị Bùi Lê Thụy L 43.000.000 đồng; buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho chị Bùi Thị Thanh T 75.000.000 đồng; buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho anh Bùi THnh Thanh N 72.000.000 đồng. Ghi nhận chị Bùi Lê Thụy H, chị Bùi Lê Thụy L, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi THnh Thanh N không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Hoàng H1 là bị đơn trong vụ án đã chết năm 2018 theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đại Hòa Lộc ngày 27/02/2019. Các

nguyên đơn Bùi Lê Thụy H, Bùi Lê Thụy L, Bùi Thị Thanh T, Bùi THnh Thanh N chỉ yêu cầu một mình bà Phan Thị T1 trả nợ và được bà Phan Thị T1 đồng ý, đồng thời đây cũng là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên tòa án không đưa những người kế thừa quyền, N vụ của ông Võ Hoàng H1 vào tham gia tố tụng.

Do giao dịch vay tiền, chơi hụi giữa các bên được xác lập từ năm 2015 đến năm nên sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Bùi Lê Thụy H buộc bà Phan Thị T1 phải trả 110.000.000 đồng tiền vay; Xét yêu cầu của chị Bùi Lê Thụy L buộc bà Phan Thị T1 phải trả 43.000.000 đồng tiền hụi; Xét yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh T buộc bà Phan Thị T1 phải trả 75.000.000 đồng tiền hụi; Xét yêu cầu của anh Bùi THnh Thanh N buộc bà Phan Thị T1 phải trả 72.000.000 đồng tiền hụi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 27/08/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị T1 thừa nhận có nợ chị Bùi Lê Thụy H 110.000.000 đồng tiền vay; nợ chị Bùi Lê Thụy L 43.000.000 đồng tiền hụi; nợ anh Bùi THnh Thanh N 72.000.000 đồng tiền hụi; nợ chị Bùi Thị Thanh T 75.000.000 đồng tiền hụi. Lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở trên, xác định giữa bà T1 và chị H, chị L, anh N, chị T có quan hệ giao dịch vay tiền và chơi hụi được các bên bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện giao dịch thấy rằng chị H, chị L, anh N, chị T đã thực hiện đầy đủ N vụ giao tiền và bà T1 đã nhận nhưng chưa thực hiện đầy đủ N vụ trả tiền cho chị H, chị L, anh N, chị T là vi phạm N vụ trả nợ theo Điều 474,479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Do bà T1 vi phạm N vụ trả tiền nên yêu cầu của chị H, chị L, anh N, chị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận chị H, chị L, anh N, chị T không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về trách nhiệm liên đới: Tại phiên tòa các nguyên đơn Bùi Lê Thụy H, Bùi Lê Thụy L, Bùi Thị Thanh T, Bùi THnh Thanh N đã thống nhất chỉ yêu cầu một mình bà Phan Thị T1 trả nợ và được chị Phan Thị T1 đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên nên nghĩa vụ trả nợ chỉ một mình bà Phan Thị T1 thực hiện.

[4] Về N vụ thi hành án: Bà T1 yêu cầu được trả dần số nợ của các nguyên đơn Bùi Lê Thụy H, Bùi Lê Thụy L, Bùi Thị Thanh T, Bùi THnh Thanh N. Xét thấy pháp luật không quy định việc trả nợ dần nếu không có sự thỏa thuận của các bên và đây là gia đoạn của thi Hnh án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho chị Bùi Thị Thanh T 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) tiền hối.

Buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho anh Bùi THnh Thanh N 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) tiền hối.

Ghi nhận chị Bùi Lê Thụy H, chị Bùi Lê Thụy L, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi THnh Thanh N không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày các nguyên đơn Bùi Lê Thụy H, Bùi Lê Thụy L, Bùi Thị Thanh T, Bùi THnh Thanh N có đơn yêu cầu thi Hnh án nếu bà Phan Thị T1 chưa thi Hnh khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị T1 phải chịu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho chị Bùi Lê Thụy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.362.500đ (Tám triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo hai biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006042 ngày 26/10/2017, số 0006211 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện B, tỉnh E.

Hoàn trả cho chị Bùi Lê Thụy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018002 ngày 27/06/2018 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện B, tỉnh E.

Hoàn trả cho chị Bùi Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018001 ngày 27/06/2018 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện B, tỉnh E.

Hoàn trả cho anh Bùi Thành Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018003 ngày 27/06/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Lê Thụy H, chị Bùi Lê Thụy L, chị Bùi Thị Thanh T, anh Bùi Thành Thanh N, bị đơn bà Phan Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Thu Hương